

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30-3-2023

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thảo.

2. Bà Lý Thị Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Kim Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 262/2022/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 12 năm 2022, về *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **LÊ VĂN K**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ dân phố 11, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt (anh K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị **LƯƠNG THỊ T**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Tổ dân phố 11, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt (chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; Biên bản tự khai có lưu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh **LÊ VĂN K** trình bày: Tôi và chị **LƯƠNG THỊ T** được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 18/11/2013, tại Ủy ban nhân xã (nay là phường) A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định của pháp luật; gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Cuộc sống chung vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ

chồng tính tình không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống và suy nghĩ. Tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị T theo quy định của pháp luật.

Về con chung tôi và chị T có 01 người con chung là cháu Lê Anh K, sinh ngày 06/9/2014. Khi ly hôn, tôi đề nghị Tòa án giao cho tôi là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu K, tôi không đề nghị chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng tôi. Chị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung.

Về tài sản chung tôi và chị T không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung tôi và chị T không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, nhưng chị LƯƠNG THỊ T không đến Tòa án cũng như không có văn bản trình bày về ý kiến của mình.

Ý kiến của cháu Lê Anh K, sinh ngày 06/9/2014 là khi bố mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu là được ở với bố LÊ VĂN K.

Quá trình giải quyết vụ án, về chứng cứ anh LÊ VĂN K cung cấp cho Tòa án:

- 01 bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 91, quyển số 01/2013 đứng tên chồng LÊ VĂN K và đứng tên vợ LƯƠNG THỊ T;

- 01 bản sao Căn cước công dân đứng tên LÊ VĂN K;

- 01 bản phô tô Chứng minh nhân dân đứng tên LƯƠNG THỊ T;

- 01 bản sao Giấy khai sinh đứng tên Lê Anh K, sinh ngày 06/9/2014;

- 01 bản sao Sổ hộ khẩu đứng tên Lê Văn C.

Tòa án nhân dân thành phố T xác minh tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh LÊ VĂN K và chị LƯƠNG THỊ T được biết: Anh K và chị T là vợ chồng, có hộ khẩu thường trú tại tổ 11, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, anh K và chị T sinh sống cùng bố mẹ chồng là ông Cường, bà A ở tổ dân phố 11, phường A, thành phố T, được khoảng vài năm thì chị T đi làm ăn xa, ít khi về nhà. Khi đi làm ăn xa, chị T không khai báo tạm vắng với địa phương. Theo địa phương được biết thì anh K, chị T có xảy ra mâu thuẫn nhau, có to tiếng cãi vã với nhau. Nay anh K có đơn xin ly hôn với chị T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh K và chị T có 01 người con chung là Lê Anh K, sinh ngày 06/9/2014, hiện đang ở cùng anh K. Anh K và chị T không có tài sản chung ở địa phương. Về tài sản cho vay và vay nợ chung thì địa phương không nắm được.

Tòa án làm việc với ông Lê Văn C và bà Lương Thị A là bố mẹ đẻ của anh K được biết: Anh K, chị T là vợ chồng; sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống ở tổ dân phố 11, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, cuộc sống vợ chồng bình thường, chịu khó bảo ban nhau làm ăn. Đến năm 2019 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi cọ, chửi bới, to tiếng với nhau. Ông bà đã khuyên giải nhiều lần cho anh K và chị T, nhưng không thành. Đến cuối năm 2019, chị T đi làm công nhân ở xa, ít khi về nhà. Anh K xin ly hôn, ông bà đã thông báo cho chị T, nhưng chị T nói không về được do bận đi làm.

Anh K và chị T có 01 con chung là cháu Lê Anh K, sinh ngày 06/9/2014, nếu ly hôn ông bà đề nghị Tòa án giao cháu K cho anh K trực tiếp chăm sóc, giáo dục vì

cháu K ở cùng bố và ông bà nội từ lúc nhỏ tới bây giờ và cháu đang quen với môi trường học tập và sinh hoạt hàng ngày.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án nhân dân thành phố T, không tiến hành hòa giải cho các đương sự theo quy định của pháp luật được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, thụ lý và giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về việc *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*, là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Tòa án xác định tư cách đương sự và tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng trình tự của pháp luật quy định. Các thành phần tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành theo đúng trình tự, đúng pháp luật tố tụng quy định. Ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn là anh K đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn là chị T còn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; 228; khoản 1 Điều 235; Điều 238; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

* Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh LÊ VĂN K được ly hôn với chị LƯƠNG THỊ T.
- *Về con chung*: Giao cháu Lê Anh K, sinh ngày 06 tháng 9 năm 2014 cho anh LÊ VĂN K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị LƯƠNG THỊ T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh LÊ VĂN K và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Đương sự xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung*: Đương sự xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

- *Về án phí*: + Anh LÊ VĂN K phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

+ Chị LƯƠNG THỊ T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh LÊ VĂN K và chị LƯƠNG THỊ T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 18/11/2013, tại Ủy ban nhân xã (nay là phường) A, thành phố

T, tỉnh Tuyên Quang, gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống ở tổ dân phố 11, phường A, thành phố T. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ngày càng mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, nên anh K có đơn khởi kiện xin ly hôn với chị T. Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy anh K và chị T có mâu thuẫn xảy ra căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; thực tế vợ chồng sống ly thân đã lâu ngày không còn quan tâm đến nhau, nên chấp nhận toàn bộ đơn và yêu cầu của anh K là được ly hôn với chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh K và chị T có 01 người con chung là cháu Lê Anh K, sinh ngày 06/9/2014. Xét thấy cháu Lê Anh K tính đến ngày xét xử sơ thẩm là người chưa đủ 18 tuổi, nên cần phải có người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và nguyện vọng của cháu K là được ở trực tiếp với bố là anh K khi bố mẹ ly hôn; bên cạnh đó chị T thường xuyên đi làm ăn xa nhà, nên giao cháu K cho anh K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh K tự nguyện không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở căn cứ theo Điều 81; 82 83 của Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với thực tế.

[4] Về tài sản chung do đương sự xác định không có, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung do đương sự xác định không có, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với chị LƯƠNG THỊ T quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng chị T đều vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, giải quyết việc anh K xin ly hôn với chị T theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: - Anh K phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

- Chị T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Nguyên đơn là anh K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, nên xét xử vắng mặt anh K và chị T theo Điều 227; 228; 238 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; 228; khoản 1 Điều 235; Điều 238; 266;

267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh LÊ VĂN K được ly hôn với chị LƯƠNG THỊ T.

2. *Về con chung:* Giao cháu Lê Anh K, sinh ngày 06 tháng 9 năm 2014, cho anh LÊ VĂN K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị LƯƠNG THỊ T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh LÊ VĂN K. Chị LƯƠNG THỊ T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* - Anh LÊ VĂN K phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000603, ngày 13 tháng 12 năm 2022, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Anh LÊ VĂN K đã nộp đủ tiền án phí.

- Chị LƯƠNG THỊ T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Anh LÊ VĂN K và chị LƯƠNG THỊ T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND phường A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Tuấn

